

Số: /2021/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 768/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 775/TTr-TNMT ngày 03/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 768/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh lập, công bố danh mục hồ, ao, khe suối không được san lấp trên địa bàn tỉnh để phòng, chống ngập, úng, hạn hán và bảo vệ nguồn nước.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước được quy định tại các Điều 30, Điều 31, Điều 32 và Điều 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định tại phần I, III và IV của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

2. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy định tại Mẫu số 01, 02, 04, 05, 07 của Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang.

2. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và Quyết định số 166/QĐ-UBND.

3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được thực hiện theo quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT và Quyết định số 166/QĐ-UBND.”

4. Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 14 như sau:

“i) Thực hiện công bố danh mục hồ, ao, khe suối không được san lấp theo khoản 2 Điều 6 Quy định này.”

5. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 14 như sau:

“d) Thực hiện phòng, chống sạt lở bãi sông theo khoản 1 Điều 6 Quy định này.”

6. Sửa đổi khoản 6 Điều 16 như sau:

“6. Định kỳ trước ngày 05 tháng 01 hàng năm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên nước thực hiện theo Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Hàng năm, các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước của đơn vị gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

Nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước.

2. Các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép tài nguyên nước có trách nhiệm lập báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

Nội dung báo cáo theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo tài nguyên nước của tỉnh gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 768/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Thay thế cụm từ “Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Bắc Giang” bằng cụm từ “Đài khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Giang” tại khoản 2 Điều 5 và khoản 8 Điều 14.

2. Bãi bỏ cụm từ “xả thải vào nguồn nước” tại tên Điều 8.

3. Bãi bỏ cụm từ “xả nước thải vào nguồn nước” tại tên Mục 3 và các điều, khoản sau đây: khoản 1 và khoản 2 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 18.

4. Bãi bỏ Điều 4, khoản 2 Điều 8, điểm d khoản 1 và điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 10, khoản 5 Điều 15.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:
- + LĐVP, TH, TKCT, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Lưu: VT, TN.Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích